

Bản án số: **19/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 16 - 5- 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN**

***Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khánh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Bắc

2. Ông Nguyễn Thế Dũng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Mừng - Thư ký  
Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Hào -  
Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 17/2022/TLST - HNGĐ, ngày 09/02/2022 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐST - HNGĐ, ngày 28/4/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị T, sinh năm 1991 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản T, xã Tường Thượng, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1997 (vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Xóm H, xã Minh Tiến, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện tại anh T đang đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện đa chức năng tỉnh Thái Nguyên.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Đinh Thị T trình bày: Tôi và anh Nguyễn Văn T kết hôn năm 2017, trước khi cưới có được tìm hiểu lấy nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tường Thượng, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Sau khi cưới vợ chồng về sống tại gia đình nhà chồng tại xóm H Tân Hợp, xã Minh Tiến, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Không ai có tài sản riêng trước khi cưới. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T nghiện ma túy từ lâu, đến năm 2019 tôi phát hiện ra. Tôi và gia đình có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không chịu

thay đổi. Anh T còn mang tài sản của gia đình đi cầm lấy tiền sử dụng ma túy. Đến tháng 11/2021 thì anh T bị đưa đi cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện đa chức năng tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2020 tới nay và đã chấm dứt mọi quan hệ. Đến nay, tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con chung: Tôi và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Trà M, sinh ngày 29/01/2018 và Nguyễn T H, sinh ngày 11/11/2020. Hiện các con gửi nhờ bố, mẹ anh T chăm sóc, tôi phải đi công nhân để lấy tiền gửi về nuôi con. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng nuôi cả hai cháu, tuy nhiên nếu không được thì tôi có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Trà M. Tôi nhất trí để anh T nuôi cháu Nguyễn T H.

Tại phiên tòa chị T xác định anh T đang phải đi cai nghiện bắt buộc không có ở nhà nên chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay chung: Không có.

Về công sức đóng góp: Thời gian tôi ở chung cùng gia đình bố, mẹ anh T tôi làm chỉ đủ ăn, không có đóng góp hay kiến thiết được gì này tôi không có yêu cầu gì.

Lời khai của bị đơn anh Nguyễn Văn T bày: Tôi và chị Đinh Thị T kết hôn năm 2017, trước khi cưới có được tìm hiểu lấy nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tường Thượng, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Sau khi cưới vợ chồng về sống tại gia đình nhà nhà tôi tại xóm T, xã Minh Tiến, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2019 thì vợ chồng sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng không có sự yêu thương. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đồng ý ly hôn với chị Đinh Thị T.

Về con chung: Tôi và chị T có 02 con chung tên Nguyễn Trà M, sinh ngày 29/01/2018 và Nguyễn T H, sinh ngày 11/11/2020. Hiện cả hai con đang sống với bố mẹ đẻ tôi. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng nuôi cả hai con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tôi không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhất trí và không ý kiến gì.

Về nội dung vụ án: Áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Cho chị Đinh Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

+ Về con chung: Giao con chung Nguyễn Trà M, sinh ngày 29/01/2018 và Nguyễn T H, sinh ngày 11/11/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung không xem xét do đương sự không yêu cầu. Về quyền thăm nom con chung: Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không có.

+ Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên anh T vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt, do đó vụ án không tiến hành hòa giải được nên phải đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự, của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về Ly hôn, nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú tại xóm Tân Hợp 2, xã Minh Tiến, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên nên việc Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, Tòa án căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Đinh Thị T và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tường Thượng, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La theo quy định pháp luật nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn phía chị T cho rằng do anh T nghiện ma túy. Chị và gia đình có khuyên bảo nhiều lần những anh T không chịu thay đổi. Anh T còn mang tài sản của gia đình đi cầm lấy tiền sử dụng ma túy. Đến tháng 11/2021 thì anh T đi cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện đa chức năng tỉnh Thái Nguyên. Phía anh T xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng không có sự yêu thương và chia sẻ. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay. Nay cả chị T và anh T đều xác định không còn tình cảm và đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị T và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó xét đề nghị xin ly hôn của chị T là có căn cứ cần áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị của chị T, cho chị Đinh Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết cả chị T và anh T đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Trà M, sinh ngày 29/01/2018 và Nguyễn T H, sinh ngày 11/11/2020. Quá trình giải quyết, phía chị T và anh T đều có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung. Hội đồng xét xử xét thấy hiện anh T đang đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện đa chức năng tỉnh Thái Nguyên nên việc nuôi dưỡng con chung sẽ không đảm bảo sự chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên cần giao cả hai con chung Nguyễn Trà M, sinh ngày 29/01/2018 và Nguyễn T H, sinh ngày 11/11/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Khi nào anh T chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc xong thì anh T có quyền làm đơn xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T không đề nghị nên hội đồng xét xử không xem xét. Anh T được quyền đi lại thăm nom chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Quá trình giải quyết cả chị T và anh T xác định không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai, không có công sức đóng góp và không ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định nộp ngân sách nhà nước là phù hợp.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị T, cho chị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

**2. Về con chung:** Giao con chung Nguyễn Trà M, sinh ngày 29/01/2018 và Nguyễn T H, sinh ngày 11/11/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi

con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung không xem xét do đương sự không yêu cầu.

Về quyền thăm nom con chung: Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

**3. Về tài sản, nợ chung:** đương sự xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

**4. Về án phí.** Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003869, ngày 09/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Báo cho chị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- T/ báo cho UBND xã Tường Thượng;
- Lưu hồ sơ + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Duy Khánh**